

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2018

V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Nguyễn Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thành phố P, tỉnh H. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lương Xuân Ph, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị M trình bày: Chị và anh Lương Xuân Ph lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh H. Sau khi cưới, vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh Ph ở xóm C, xã T, huyện K, tỉnh H đến khoảng cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau và nhiều lần anh Ph đánh đập chị. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào ngày 13/02/2017, anh Ph đã chửi mắng, đánh đập chị trước mặt bố mẹ chồng và con riêng, nên ngày 17/02/2017 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố T, phường C, thành phố P, tỉnh H để ở nhờ từ đó cho đến nay và vợ chồng cũng sống ly thân nhau từ đó, hai bên không còn quan tâm đến cuộc

sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Xuân Ph.

Tại bản tự khai đề ngày 04 tháng 4 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, bị đơn là anh Lương Xuân Ph xác nhận, trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thời gian ly thân giữa vợ chồng anh đúng như chị M đã khai. Tuy nhiên anh xác định trong cuộc sống vợ chồng chỉ có những va chạm nhỏ, anh không coi đó là mâu thuẫn. Nay chị M xin ly hôn, anh không đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có con chung.

Về con riêng: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, trước khi anh chị lấy nhau, anh Ph đã có 03 người con riêng với người vợ trước là các cháu Lương Thị Thanh T, sinh ngày 19/02/1992; cháu Lương Thị Thanh L, sinh ngày 08/12/1995, hiện nay cháu T và cháu L đã lấy chồng và có cuộc sống ổn định; cháu thứ ba là Lương Công H, sinh ngày 21/7/2000, hiện cháu đang học Lớp 12, Trường THPT L và đang ở với anh Ph tại xóm C, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Khi ly hôn cả hai không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, đất ruộng cấy nông nghiệp: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì; vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không đóng góp được công sức, tài sản gì đối với khối tài sản chung của hai bên gia đình; không được địa phương giao chung đất ruộng cấy nông nghiệp. Khi ly hôn các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị M và anh Lương Xuân Ph; ngoài ra còn đề nghị về án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho các đương sự. Ngày 04 tháng 4

năm 2018, bị đơn là anh Lương Xuân Ph đã đến nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng 01 bản tự khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Ph vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc cũng như không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2018; tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Ph vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Lương Xuân Ph lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh H. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng cùng nhau chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, khiến hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vì vậy khoảng đầu năm 2017 chị M đã phải bỏ về quê để ở nhờ và từ đó vợ chồng cũng sống ly thân nhau, từ khi chị M bỏ về quê để, anh Ph cũng không hỏi han quan tâm gì đến chị M, chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa chị M, anh Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M là có cơ sở, việc anh Ph xin đoàn tụ với lý do vợ chồng vẫn còn tình cảm, đây chỉ là cái cớ để anh Ph gây khó khăn, cản trở cho chị M trong quá trình giải quyết vụ án, vì từ khi vợ chồng sống ly thân, nhất là từ khi Tòa án giải quyết vụ án cho đến nay, anh Ph không có biện pháp nào để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên không có cơ sở để chấp nhận lời đề nghị của anh Ph. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn đối với anh Ph theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con cái:

Con chung: Chị M, anh Ph không có, nên không đặt ra xem xét.

Con riêng: Anh Ph có ba người con riêng với người vợ trước. Nay cháu Lương Thị Thanh T, sinh năm 1992 và cháu Lương Thị Thanh L, sinh năm 1995 đã lấy chồng và có cuộc sống riêng; cháu thứ ba là Lương Công H, sinh ngày 21/7/2000, đến nay cháu H đã học xong Lớp 12 và đã trên 18 tuổi, hiện đang ở cùng anh Ph. Khi ly hôn anh Ph không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.
Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị M và anh Lương Xuân Ph.

2. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001338 ngày 16/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, chị M đã nộp đủ tiền án phí. Anh Ph không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lương Xuân Ph vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh